

THÔNG BÁO

Công khai số liệu thực hiện dự toán ngân sách địa phương năm 2020

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với các cấp ngân sách,

Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Nam thông báo công khai số liệu thực hiện dự toán ngân sách địa phương năm 2020, cụ thể như sau:

1. Cân đối ngân sách địa phương năm 2020 (chi tiết theo biểu số 59/CK-NSNN).
2. Thực hiện thu ngân sách nhà nước năm 2020 (chi tiết theo biểu số 60/CK-NSNN).
3. Ước thực hiện chi ngân sách địa phương năm 2020 (chi tiết theo biểu số 61/CK-NSNN)

Nơi nhận:

- Chủ tịch UBND tỉnh (để b/cáo);
- Các PCT UBND tỉnh;
- VPUB: LĐVP;
- Lưu: VT, KT.

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Anh Chức

CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2020

(Kèm theo Thông báo số /TB-UBND ngày tháng 12 năm 2020 của UBND tỉnh Hà Nam)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	THỰC HIỆN NĂM 2019	DỰ TOÁN HĐND TỈNH GIAO NĂM 2020	ƯỚC THỰC HIỆN NĂM 2020	SO SÁNH THỰC HIỆN VỚI (%)	
					DỰ TOÁN NĂM	CÙNG KỲ NĂM TRƯỚC
A	TỔNG NGUỒN THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN	13.931.225	9.274.000	10.141.000	109	73
I	Thu cân đối NSNN	9.546.262	9.274.000	10.141.000	109	106
1	Thu nội địa	7.650.644	7.574.000	8.341.000	110	109
2	Thu cân đối từ hoạt động XNK	1.895.618	1.700.000	1.800.000	106	95
3	Thu viện trợ					
II	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang	4.384.963	-			-
B	TỔNG CHI NSDP	9.238.083	9.477.096	10.285.111	109	111
I	Chi cân đối NSDP	8.024.285	7.421.780	8.229.795	111	103
1	Chi đầu tư phát triển	3.134.002	1.437.900	2.337.900	163	75
2	Chi thường xuyên	4.889.133	5.659.450	5.667.465	100	116
3	Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền địa phương vay	150	18.600	18.600		
4	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	1.000	1.000	1.000	100	100
5	Dự phòng ngân sách	-	204.830	204.830	100	
6	Chi từ nguồn tăng thu		100.000		-	
II	Chi tạo nguồn điều chỉnh tiền lương	-	1.095.130	1.095.130		
III	Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ NSTW cho NSDP	1.213.798	960.186	960.186	100	79
C	BỘI CHI NSDP/BỘI THU NSDP					
D	CHI TRẢ NỢ GỐC	40.000	17.500	17.500	100	44

ƯỚC THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2020

(Kèm theo Thông báo số 11/TB-UBND ngày 11 tháng 12 năm 2020 của UBND tỉnh Hà Nam)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	THỰC HIỆN NĂM 2019	DỰ TOÁN HĐND TỈNH GIAO NĂM 2020	ƯỚC THỰC HIỆN NĂM 2020	SO SÁNH ƯỚC THỰC HIỆN VỚI (%)	
					DỰ TOÁN NĂM	CÙNG KỲ NĂM TRƯỚC
A	TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN	9.546.262	9.274.000	10.141.000	109	106
I	Thu nội địa	7.650.644	7.574.000	8.341.000	110	109
1	Thu từ khu vực DNNN	944.672	915.000	733.000	80	78
2	Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	1.982.500	2.746.000	2.746.000	100	139
3	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh	1.433.639	1.480.000	1.475.000	100	103
4	Thuế thu nhập cá nhân	479.140	523.000	550.000	105	115
5	Thuế bảo vệ môi trường	453.180	420.000	420.000	100	93
6	Lệ phí trước bạ	209.245	225.000	225.000	100	108
7	Các loại phí, lệ phí	251.871	279.000	260.000	93	103
8	Các khoản thu về nhà, đất	1.513.393	701.000	1.631.000	233	108
-	Thuế sử dụng đất nông nghiệp	511	-	-		
-	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	11.771	11.000	11.000	100	93
-	Thu tiền sử dụng đất	1.369.518	600.000	1.500.000	250	110
-	Tiền cho thuê đất, thuê mặt nước	131.593	90.000	120.000	133	91
9	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản	176.113	150.000	150.000	100	85
11	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết	14.179	14.000	14.000	100	99
12	Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác	31.244	27.000	27.000	100	86
13	Thu khác ngân sách (Bao gồm cả Thu tiền bảo vệ phát triển đất trồng lúa)	161.468	94.000	110.000	117	68
II	Thu từ dầu thô					
III	Thu từ hoạt động xuất nhập khẩu	1.895.618	1.700.000	1.800.000	106	95
B	THU NSDP ĐƯỢC HƯỞNG THEO PHÂN CẤP	7.262.512	7.242.000	7.992.000	110	110
1	Từ các khoản thu phân chia	4.601.943	5.424.855	5.248.850	97	114
2	Các khoản thu NSDP được hưởng 100%	2.660.569	1.817.145	2.743.150	151	103

ƯỚC THỰC HIỆN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2020

(Kèm theo Thông báo số /TB-UBND ngày tháng 12 năm 2020 của UBND tỉnh Hà Nam)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	THỰC HIỆN NĂM 2019	DỰ TOÁN HĐND TỈNH GIAO NĂM 2020	ƯỚC THỰC HIỆN NĂM 2020	SO SÁNH ƯỚC THỰC HIỆN VỚI (%)	
					DỰ TOÁN NĂM	CÙNG KỶ NĂM TRƯỚC
	TỔNG CHI NSĐP	9.238.083	9.477.096	10.285.111	109	111
A	CHI CÂN ĐỐI NSĐP	8.024.285	8.516.910	9.324.925	109	116
I	Chi đầu tư phát triển	3.134.002	1.437.900	2.337.900	163	75
II	Chi tạo nguồn cải cách tiền lương		1.095.130	1.095.130		
III	Chi thường xuyên	4.889.133	5.659.450	5.667.465	100	116
	Trong đó:					
1	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	1.787.759	2.204.798	2.204.798	100	123
2	Chi khoa học và công nghệ	17.112	29.474	29.474	100	172
3	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	410.021	376.156	376.156	100	92
4	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	88.513	105.667	105.667	100	119
5	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình	90.659	66.590	66.590	100	73
6	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	16.921	19.589	19.589	100	116
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	105.371	144.172	144.172	100	137
8	Chi sự nghiệp kinh tế	757.452	1.065.658	1.073.673	101	142
9	Chi hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể	981.967	1.071.262	1.071.262	100	109
10	Chi bảo đảm xã hội	394.884	352.382	352.382	100	89
IV	Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền địa phương vay	150	18.600	18.600	100	12.428
V	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	1.000	1.000	1.000	100	100
VI	Dự phòng ngân sách		204.830	204.830	100	
VII	Chi từ nguồn tăng thu		100.000			
B	CHI TỪ NGUỒN BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU TỪ NSTW CHO NSĐP	1.213.798	960.186	960.186	100	79
1	Chương trình mục tiêu quốc gia	130.086	178.252	178.252	100	137
2	Cho các chương trình dự án quan trọng vốn đầu tư	875.359	661.200	661.200	100	76
3	Cho các nhiệm vụ, chính sách kinh phí thường xuyên	208.353	120.734	120.734	100	58